

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/DS - PT
Ngày 07 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị R, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp P 3B, xã Vĩnh Phú Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T; địa chỉ: Ấp Mỹ Phú Đ, xã Hưng P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh L; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Mỹ Phú Đ, xã Hưng P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chức vụ: Giám đốc HTX T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tăng Ti T (Nguyễn Tăng Xi T), sinh năm 1982 (có mặt)
2. Ông Duy Văn T, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P 3B, xã Vĩnh Phú Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị R trình bày: Chị khởi kiện Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T đòi số tiền mua bán lúa là 16.354.000 đồng. Vào ngày 28/02/2018 thông qua giới thiệu của anh Duy Văn T, chị có bán lúa cho HTX T, giống lúa dài thom 8, giá 118.000 đồng/01 gạ lúa tươi (20kg), chị bán số lượng là 2772kg, bằng số tiền là 16.354.000 đồng; Việc thỏa thuận mua bán lúa là chị thỏa thuận giá cả, số lượng, ngày cân lúa là với ông T, tuy nhiên ngày cân lúa là ghe cân lúa là của ông H đại diện cho HTX, bản thân anh T chỉ là cò lúa ở địa phương. Nay ghe lúa của ông H đại diện cho HTX nhận lúa của chị nên chị khởi kiện Hợp tác xã T trả tiền mua bán lúa số tiền là 16.354.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Theo người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T ông Trần Văn H trình bày: Hợp tác xã T giao dịch mua bán lúa với anh Duy Văn T chứ không trực tiếp giao dịch mua bán lúa với người dân, sau đó thì số lúa mua được HTX đã bán lại cho cty Hiếu N, số lượng lúa cân của chị Trần Thị R là 2.772kg bằng số tiền là 16.354.000 đồng công ty Hiếu N đã nhận lúa theo hợp đồng mua bán giữa HTX và Cty Hiếu N, công ty Hiếu N đã trả tiền cho HTX, tuy nhiên do anh Duy Văn T còn thiếu tiền của HTX vì vậy HTX T đã không trả cho anh T số tiền trên mà trừ vào số tiền anh Tấu nợ HTX. Nên việc chị R yêu cầu số tiền trên thì HTX không có nghĩa vụ trả cho chị R mà anh Tấu có trách nhiệm trả cho chị Rin số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Duy Văn T trình bày: Anh không phải là người mua lúa của chị R mà anh chỉ làm cò lúa, tức là anh giới thiệu chỗ mua lúa cho ông H (Hợp tác xã T) thì anh được tiền cò, mỗi 01 tấn (1000kg) thì ông H sẽ trả cho anh là 30.000 đồng. Đối với trường hợp của chị R là ông H tự đưa giống cho chị R canh tác, đến mùa ông H hỏi anh các hộ dân nào lúa đã chín thì cho ông H hay, ông H tự liên lạc với chị R xem lúa định ngày cắt lúa, giá cả. Sau đó thì đến ngày cân lúa thì anh chỉ ghe đến nhà chị R để cân lúa, việc cân lúa là giữa ông H và chị R chứ anh không có tham gia, anh cũng không rõ là ông H cân của chị R được bao nhiêu kg, ông H cũng không có trả tiền cò lúa cho anh. Anh không phải là người mua lúa của chị R nên anh không đồng ý hay có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị R.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị R đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị R, anh Nguyễn Tăng Ti T (Nguyễn Tăng Xi T) số tiền 18.130.044 đồng (Mười tám triệu một trăm ba chục nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/8/2019 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T: Không đồng ý trả số tiền 18.130.044 đồng cho chị Trần Thị R vì Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T đã trả tiền cho ông Duy Văn T số tiền trên nên buộc ông T trả tiền lại cho chị R.

Tại phiên tòa phúc thẩm Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T không đồng ý trả số tiền 18.130.044 đồng cho chị Trần Thị R vì Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T đã trả tiền cho ông Duy Văn T số tiền trên nên buộc ông T trả tiền lại cho chị R. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị R xác định, vào ngày 28/02/2018 thông qua giới thiệu của ông Duy Văn T (là cò lúa của địa phương), chị R có bán lúa cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (gọi tắt là HTX T), giống lúa dài thơm 8, giá 118.000 đồng/01 giạ lúa tươi (20kg), chị bán số lượng lúa 2.772kg, bằng số tiền là 16.354.000 đồng; Việc thỏa thuận mua bán lúa là chị thỏa thuận giá cả, số lượng với ông T (do ông T là cò lúa), còn người lấy lúa và ghe cân lúa là của ông Hạng đại diện cho HTX T.

[4] Ông Hạng xác định HTX Thành lợi xác định có thỏa thuận với anh T là thu mua lúa của anh T để bán cho Công ty Nhân H. HTX T thừa nhận có nhận lúa của chị Rin và bán lúa này cho Công ty Hiếu N. HTX đã trả tiền cho anh T, anh Tâu phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị R nhưng anh T không thừa nhận giao lúa của chị R cho HTX, không giao lúa cho Công ty Nhân H, không thừa nhận có nhận tiền lúa của HTX đối với số lúa HTX nhận của chị R.

[5] Như vậy, HTX không có thỏa thuận ba bên giữa HTX, anh T và chị R với nội dung HTX nhận lúa của chị R và anh T là người có nhiệm vụ thanh toán tiền lúa cho chị R, nên HTX nhận lúa của chị R thì phải có nghĩa vụ trả tiền lúa cho chị R theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng; Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của HTX Thành Lợi; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: HTX T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị R đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị R, anh Nguyễn Tăng Ti T (Nguyễn Tăng Xi T) số tiền 18.130.044 đồng (Mười tám triệu một trăm ba chục nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: HTX nông nghiệp T phải chịu 906.500 đồng. Chị Trần Thị R đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 409.000 đồng theo biên lai thu

số 0013765 ngày 25/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: HTX nông nghiệp T phải chịu 300.000 đồng. HTX nông nghiệp T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000648 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, được hoàn lại.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu Tô HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang